ỦY BAN NHÂN DÂN **ĐẶC KHU CÁT HẢI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:3771 /QĐ-UBND	*Cát Hải, ngày 09 tháng 11 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Quyết định 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính Phủ về việc về việc áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước;

Căn cứ xác nhận của Chủ tịch UBND đặc khu Cát Hải về việc xác nhận hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 áp dụng có hiệu lực tại UBND đặc khu Cát Hải ;

Căn cứ Quyết định số 4109/QĐ-BKHCN ngày 31/12/2015 của Bộ khoa học và công nghệ V/v công bố Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 Hệ thống quản lý chất lượng - Các yêu cầu;

Căn cứ Quyết định số 101/QĐ-BKHCN ngày 21/01/2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc công bố Mô hình khung HTQLCL theo tiêu chuẩn quốc giaTCVN ISO 9001:2015 cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống HCNN tại địa phương;

Căn cứ Quyết định số 2732/QĐ-UBND ngày 01/10/2026 của Chủ tịch UBND đặc khu Cát Hải về việc Ban hành danh mục tài liệu Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 của Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải năm 2026;

Xét đề nghị của Ban chỉ đạo ISO.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại UBND đặc khu Cát Hải phù hợp với Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 theo quy định tại Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ đối với tất cả các lĩnh vực hoạt động trong Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND đặc khu, Phòng kinh tế đặc khu; các cơ quan chuyên môn; Trung tâm Phục vụ Hành chính công và cán bộ, công chức thuộc UBND đặc khu Cát Hải chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở KH&CN;
- CT, các PCT UBND đặc khu;
- C, PCVP HĐND và UBND đặc khu;
- Lưu: VT, BCĐ ISO.

CHỦ TỊCH



Phan Viết Điện

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN CÔNG BỐ

ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI

Công bố Hệ thống quản lý chất lượng tại Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải phù hợp Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 đối với thực hiện chức năng quản lý nhà nước và giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn đặc khu

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3771 *QĐ-UBND ngày* 09 *tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải)*

Bản công bố này có hiệu lực kể từ ngày ban hành

Cát Hải , ngày 09 *tháng 11 năm 2026*
CHỦ TỊCH UBND ĐẶC KHU CÁT HẢI

Phan Viết Điện

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA ỦY BAN NHÂN DÂN ĐẶC KHU CÁT HẢI ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 3771 */QĐ-UBND ngày* 09 *tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải)*

STT	TÊN TÀI LIỆU	KÝ HIỆU
1	Chính sách chất lượng	CSCL
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL
3	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQL
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01
5	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định tính)	HD.02
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04
8	Quy trình quốc gia TTHC theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	QT.01
9	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	QT.02
10	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực Phòng Kinh tế	QT.03
11	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực Phòng Văn hóa – Xã hội	QT.04
12	Quy trình giải quyết thủ tục hành chính Lĩnh vực Văn phòng HĐND và UBND	QT.05

DANH MỤC TÀI LIỆU
HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày tháng 11 năm 2026 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân đặc khu Cát Hải)

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
A	**TÀI LIỆU HỆ THỐNG**		
1	Chính sách chất lượng	CSCL	
2	Mục tiêu chất lượng	MTCL	
3	Mô hình Hệ thống quản lý chất lượng	MHHTQL	
4	Hướng dẫn kiểm soát thông tin dạng văn bản	HD.01	
5	Hướng dẫn Quản lý rủi ro và cơ hội (phương pháp định tính)	HD.02	
6	Hướng dẫn đánh giá nội bộ	HD.03	
7	Hướng dẫn kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	HD.04	
B	**CÁC QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT TTHC**		
I	**Trung tâm Phục vụ hành chính công (01 QT)**		
1	Quy trình quốc gia TTHC theo cơ chế một cửa tại Trung tâm Phục vụ hành chính công	QT.TT.01	
II	**LĨNH VỰC PHÒNG XÂY DỰNG, NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG (119 QT)**		
1	Quy trình Công bố mở bến thủy nội địa, bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	QT.XDNNMT.01	
2	Quy trình Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông	QT.XDNNMT.02	
3	Quy trình Cho ý kiến về thông số kỹ thuật xây dựng bến khách ngang sông, kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa phục vụ thi công công trình, dự án và bến dân sinh	QT.XDNNMT.03	
4	Quy trình Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng bến thủy nội địa	QT.XDNNMT.04	
5	Quy trình Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	QT.XDNNMT.05	
6	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	QT.XDNNMT.06	
7	Quy trình Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	QT.XDNNMT.07	
8	Quy trình Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	QT.XDNNMT.08	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
9	Quy trình Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	QT.XDNNMT.09	
10	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	QT.XDNNMT.10	
11	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	QT.XDNNMT.11	
12	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.XDNNMT.12	
13	Quy trình Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	QT.XDNNMT.13	
14	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	QT.XDNNMT.14	
15	Quy trình Xóa đăng ký phương tiện	QT.XDNNMT.15	
16	Quy trình Công bố mở, cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.XDNNMT.16	
17	Quy trình Đóng, không cho phép hoạt động tại vùng nước khác không thuộc vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải, được đánh dấu, xác định vị trí bằng phao hoặc cờ hiệu có màu sắc dễ quan sát	QT.XDNNMT.17	
18	Quy trình Đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước lần đầu	QT.XDNNMT.18	
19	Quy trình Đăng ký lại phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.XDNNMT.19	
20	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.XDNNMT.20	
21	Quy trình Xóa đăng ký phương tiện hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước	QT.XDNNMT.21	
22	Quy trình Xác nhận việc trình kháng nghị hàng hải	QT.XDNNMT.22	
23	Quy trình Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	QT.XDNNMT.23	
24	Quy trình Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	QT.XDNNMT.24	
25	Quy trình Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	QT.XDNNMT.25	
26	Quy trình Chấp thuận vị trí đấu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	QT.XDNNMT.26	
27	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	QT.XDNNMT.27	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
28	Quy trình Đăng ký mua, thuê mua, thuê nhà ở xã hội, vay vốn để hộ gia đình, cá nhân tự xây dựng hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở	QT.XDNNMT.28	
29	Quy trình Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	QT.XDNNMT.29	
30	Quy trình Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	QT.XDNNMT.30	
31	Quy trình Công nhận Ban quản trị nhà chung cư	QT.XDNNMT.31	
32	Quy trình Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	QT.XDNNMT.32	
33	Quy trình Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh	QT.XDNNMT.33	
34	Quy trình Cấp giấy phép di dời đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XDNNMT.34	
35	Quy trình Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ:	QT.XDNNMT.35	
36	Quy trình Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/ Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XDNNMT.36	
37	Quy trình Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XDNNMT.37	
38	Quy trình Cấp giấy phép xây dựng mới đối với công trình cấp III, cấp IV (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XDNNMT.38	
39	Quy trình Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp III, cấp IV (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Sửa chữa, cải tạo/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án) và nhà ở riêng lẻ	QT.XDNNMT.39	
40	Quy trình Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	QT.XDNNMT.40	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
41	Quy trình Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	QT.XDNNMT.41	
42	Quy trình Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.XDNNMT.42	
42	Quy trình Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	QT.XDNNMT.43	
44	Quy trình Phê duyệt quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.XDNNMT.44	
45	Quy trình Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.XDNNMT.45	
46	Quy trình Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	QT.XDNNMT.46	
47	Quy trình Cấp giấy phép chặt hạ, dịch chuyển cây xanh	QT.XDNNMT.47	
48	Quy trình Công nhận khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.XDNNMT.48	
49	Quy trình Gia hạn thời hạn giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.XDNNMT.49	
50	Quy trình Giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.XDNNMT.50	
51	Quy trình Sửa đổi, bổ sung Quyết định giao khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.XDNNMT.51	
52	Quy trình Trả lại khu vực biển cho cá nhân Việt Nam để nuôi trồng thủy sản	QT.XDNNMT.52	
53	Quy trình Tham vấn trong đánh giá tác động môi trường	QT.XDNNMT.53	
54	Quy trình Đăng ký khai thác, sử dụng nước dưới đất	QT.XDNNMT.54	
55	Quy trình Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư	QT.XDNNMT.55	
56	Quy trình Giao đất, cho thuê đất không thông qua hình thức đấu giá quyền sử dụng đất, không đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án có sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo pháp luật về đầu tư; giao rừng, cho thuê rừng	QT.XDNNMT.56	
57	Quy trình Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	QT.XDNNMT.57	
58	Quy trình Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất đối với trường hợp không thuộc diện chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận nhà đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư	QT.XDNNMT.58	
59	Quy trình Gia hạn sử dụng đất khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.XDNNMT.59	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
60	Quy trình Chuyển hình thức giao đất, cho thuê đất	QT.XDNNMT.60	
61	Quy trình Điều chỉnh quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất do thay đổi căn cứ quyết định giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất	QT.XDNNMT.61	
62	Quy trình Sử dụng đất kết hợp đa mục đích; gia hạn phương án sử dụng đất kết hợp đa mục đích	QT.XDNNMT.62	
63	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp tặng cho quyền sử dụng đất cho Nhà nước hoặc cộng đồng dân cư hoặc mở rộng đường giao thông	QT.XDNNMT.63	
64	Quy trình Đính chính Giấy chứng nhận đã cấp	QT.XDNNMT.64	
65	Quy trình Thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp không đúng quy định của pháp luật đất đai do người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất phát hiện và cấp lại Giấy chứng nhận sau khi thu hồi	QT.XDNNMT.65	
66	Quy trình Xác định lại diện tích đất ở của hộ gia đình, cá nhân trong trường hợp thửa đất ở có vườn, ao, đất thổ cư đã được cấp giấy chứng nhận trước ngày 01 tháng 7 năm 2004 khi người sử dụng đất có nhu cầu	QT.XDNNMT.66	
67	Quy trình Giải quyết đối với trường hợp cá nhân, hộ gia đình đã được cấp Giấy chứng nhận một phần diện tích vào loại đất ở trước ngày 01 tháng 7 năm 2004, phần diện tích còn lại của thửa đất chưa được cấp Giấy chứng nhận	QT.XDNNMT.67	
68	Quy trình Đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với toàn bộ diện tích đất đang sử dụng quy định tại điểm b và điểm c khoản 2 Điều 24 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP	QT.XDNNMT.68	
69	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp hộ gia đình, cá nhân đã được cấp giấy chứng nhận đối với một phần diện tích của thửa đất, phần diện tích còn lại chưa đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận theo quy định của pháp luật tại thời điểm cấp giấy chứng nhận trước đây mà nay đủ điều kiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất	QT.XDNNMT.69	
70	Quy trình Cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất đối với trường hợp người sử dụng đất đã thực hiện chuyển đổi quyền sử dụng đất nông nghiệp theo phương án "dồn điền đổi thửa" được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt trước ngày 01 tháng 8 năm 2024	QT.XDNNMT.70	
71	Quy trình Xác nhận tiếp tục sử dụng đất nông nghiệp của cá nhân khi hết thời hạn sử dụng đất	QT.XDNNMT.71	
72	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận do bị mất	QT.XDNNMT.72	
73	Quy trình Đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất lần đầu đối với cá nhân, cộng đồng dân cư, hộ gia đình đang sử dụng đất	QT.XDNNMT.73	
74	Quy trình hòa giải tranh chấp đất đai	QT.XDNNMT.74	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
75	Quy trình Giải quyết tranh chấp đất đai thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.XDNNMT.75	
76	Quy trình Hỗ trợ chi phí về vật tư phối giống nhân tạo gia súc gồm tinh đông lạnh, Nitơ lỏng, găng tay và dụng cụ dẫn tinh để phối giống cho trâu, bò cái; chi phí về liều tinh để thực hiện phối giống cho lợn nái, công cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò)	QT.XDNNMT.76	
77	Quy trình Quyết định phê duyệt kinh phí hỗ trợ đào tạo, tập huấn để chuyển đổi từ chăn nuôi sang các nghề khác; chi phí cho cá nhân được đào tạo về kỹ thuật phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò); chi phí mua bình chứa Nitơ lỏng bảo quản tinh cho người làm dịch vụ phối giống nhân tạo gia súc (trâu, bò) đối với các chính sách sử dụng vốn sự nghiệp nguồn ngân sách nhà nước	QT.XDNNMT.77	
78	Quy trình Hỗ trợ cơ sở sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh động vật (cơ sở sản xuất không thuộc lực lượng vũ trang nhân dân)	QT.XDNNMT.78	
79	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo định kỳ hằng năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc giai đoạn 2027-2030	QT.XDNNMT.79	
80	Quy trình Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo trong năm theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2027-2030	QT.XDNNMT.80	
81	Công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình	QT.XDNNMT.81	
82	Quy trình kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	QT.XDNNMT.82	
83	Quy trình Hỗ trợ tín dụng đầu tư trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	QT.XDNNMT.83	
84	Quy trình Phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án quản lý rừng bền vững của chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc hộ gia đình cá nhân liên kết thành nhóm hộ, tổ hợp tác trường hợp có tổ chức các hoạt động du lịch sinh thái	QT.XDNNMT.84	
85	Quy trình Phê duyệt phương án khai thác gỗ, thực vật rừng ngoài gỗ loài thông thường thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.XDNNMT.85	
86	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	QT.XDNNMT.86	
87	Quy trình Thẩm định, phê duyệt hoặc điều chỉnh phương án nuôi, trồng phát triển thu hoạch cây dược liệu trong rừng đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân cộng đồng dân cư	QT.XDNNMT.87	
88	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.XDNNMT.88	
89	Quy trình chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	QT.XDNNMT.89	
90	Quy trình Hỗ trợ dự án liên kết (cấp xã)	QT.XDNNMT.90	
91	Quy trình Phê duyệt kế hoạch khuyến nông địa phương (cấp xã)	QT.XDNNMT.91	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
92	Quy trình Hỗ trợ khám chữa bệnh, trợ cấp tai nạn cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã trong trường hợp chưa tham gia bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội	QT.XDNNMT.92	
93	Quy trình Trợ cấp tiền tuất, tai nạn (đối với trường hợp tai nạn suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên) cho lực lượng xung kích phòng chống thiên tai cấp xã chưa tham gia bảo hiểm xã hội	QT.XDNNMT.93	
94	Quy trình Hỗ trợ đầu tư xây dựng phát triển thủy lợi nhỏ, thuỷ lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước (Đối với nguồn vốn hỗ trợ trực tiếp, ngân sách địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương và nguồn vốn hợp pháp khác của địa phương phân bổ dự toán cho UBND cấp xã thực hiện)	QT.XDNNMT.94	
95	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó với tình huống khẩn cấp thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.XDNNMT.95	
96	Quy trình Thẩm định, phê duyệt phương án ứng phó thiên tai cho công trình, vùng hạ du đập trong quá trình thi công thuộc thẩm quyền của UBND cấp xã	QT.XDNNMT.96	
97	Quy trình Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành đối với công trình thủy lợi lớn và công trình thủy lợi vừa do UBND cấp tỉnh phân cấp.	QT.XDNNMT.97	
98	Quy trình Phê duyệt đề cương, kết quả kiểm định an toàn đập, hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.98	
99	Quy trình Phê duyệt, công bố công khai quy trình vận hành hồ chứa thủy lợi thuộc thẩm quyền của Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.99	
100	Quy trình Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.100	
101	Quy trình Cấp giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động du lịch, thể thao nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.101	
102	Quy trình Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Xây dựng công trình mới; Lập bến, bãi tập kết nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, phương tiện; Xây dựng công trình ngầm do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.102	
103	Quy trình Cấp giấy phép nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.103	
104	Quy trình Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Nuôi trồng thủy sản; Nổ mìn và các hoạt động gây nổ khác do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.104	
105	Quy trình Cấp giấy phép hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho	QT.XDNNMT.105	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	Chủ tịch UBND cấp xã		
106	Quy trình Cấp giấy phép cho các hoạt động trồng cây lâu năm trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.106	
107	Quy trình Cấp giấy phép nuôi trồng thủy sản trong phạm vi bảo vệ công trình thủy do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.107	
108	Quy trình Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi đối với hoạt động: du lịch, thể thao, nghiên cứu khoa học, kinh doanh, dịch vụ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.108	
109	Quy trình Cấp gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép cho các hoạt động trong phạm vi bảo vệ công trình thủy lợi: Trồng cây lâu năm; Hoạt động của phương tiện thủy nội địa, phương tiện cơ giới, trừ xe mô tô, xe gắn máy, phương tiện thủy nội địa thô sơ do Chủ tịch UBND cấp tỉnh phân cấp cho Chủ tịch UBND cấp xã	QT.XDNNMT.109	
110	Quy trình Công bố mở cảng cá loại 3	QT.XDNNMT.110	
111	Quy trình Công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.XDNNMT.111	
112	Quy trình Sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn quản lý)	QT.XDNNMT.112	
113	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc từ nuôi trồng	QT.XDNNMT.113	
114	Xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc Phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã, nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên	QT.XDNNMT.114	
115	Quy trình Chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất trồng lúa	QT.XDNNMT.115	
116	Cấp, cấp lại mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói	QT.XDNNMT.116	
117	Đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP	QT.XDNNMT.117	
118	Quy trình Thủ tục thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở kinh doanh xăng, dầu chỉ có nguy cơ xảy ra tràn dầu ở mức nhỏ trên đất liền, trên sông, trên biển	QT.XDNNMT.118	
119	Quy trình tính hoặc tính lại tiền sử dụng đất theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 12 Nghị định số 50/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ	QT.XDNNMT.119	
III	**PHÒNG KINH TẾ (41 QT)**		
1	Quy trình Đăng ký nhu cầu hỗ trợ của tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.01	
2	Quy trình Thông báo chấm dứt hoạt động của tổ hợp tác	QT.KT.02	
3	Quy trình Thông báo thành lập/thay đổi tổ hợp tác	QT.KT.03	
4	Quy trình Đăng ký thành lập hợp tác xã, liên hiệp HTX; đăng ký chuyển đổi THT thành HTX; đăng ký khi HTX, LHHTX chia, tách, hợp nhất	QT.KT.04	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
5	Quy trình Đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện, thông báo địa điểm kinh doanh	QT.KT.05	
6	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã; đăng ký thay đổi nội dung đối với trường hợp HTX, LHHTX bị tách, nhận sáp nhập	QT.KT.06	
7	Quy trình Cấp lại giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX	QT.KT.07	
8	Quy trình Đăng ký giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, liên hiệp HTX	QT.KT.08	
9	Quy trình Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, LHHTX	QT.KT.09	
10	Quy trình Cấp đổi giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp HTX	QT.KT.10	
11	Quy trình Thông báo thay đổi nội dung đăng ký hợp tác xã, LHHTX; thông báo thay đổi nội dung đăng ký đối với trường hợp HTX, LHHTX bị tách, nhận sáp nhập	QT.KT.11	
12	Quy trình Thông báo về việc thành lập doanh nghiệp của HTX, LHHTX	QT.KT.12	
13	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của HTX, LHHTX	QT.KT.13	
14	Quy trình Thông báo tạm ngừng kinh doanh/tiếp tục kinh doanh trở lại đối với HTX, LHHTX, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh	QT.KT.14	
15	Quy trình Thông báo lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở nước ngoài	QT.KT.15	
16	Quy trình Đề nghị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác, Giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, Giấy chứng nhận đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện đối với trường hợp nội dung kê khai trong hồ sơ đăng ký thành lập là giả mạo	QT.KT.16	
17	Quy trình Đề nghị thay đổi tên tổ hợp tác, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã do xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp	QT.KT.17	
18	Quy trình Đăng ký thành lập tổ hợp tác; đăng ký tổ hợp tác trong trường hợp đã được thành lập trước ngày Luật Hợp tác xã có hiệu lực thi hành, thuộc đối tượng phải đăng ký theo quy định tại khoản 2 Điều 107 Luật Hợp tác xã 2023	QT.KT.18	
19	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký tổ hợp tác do bị mất, cháy, rách, nát hoặc bị tiêu hủy	QT.KT.19	
20	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký tổ hợp tác	QT.KT.20	
21	Quy trình Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký tổ hợp tác	QT.KT.21	
22	Quy trình Thông báo tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trở lại đối với tổ hợp tác	QT.KT.22	
23	Quy trình Chấm dứt hoạt động tổ hợp tác	QT.KT.23	
24	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.24	
25	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục đăng ký tổ hợp tác	QT.KT.25	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
26	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục giải thể hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.26	
27	Quy trình Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.27	
28	Quy trình Thông báo bổ sung, cập nhật thông tin trong hồ sơ đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.28	
29	Quy trình Hiệu đính, cập nhật, bổ sung thông tin đăng ký chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã	QT.KT.29	
30	Quy trình Đăng ký thành lập hộ kinh doanh	QT.KT.30	
31	Quy trình Đăng ký thay đổi nội dung đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.31	
32	Quy trình Đăng ký tạm ngừng kinh doanh, tiếp tục kinh doanh trước thời hạn đã thông báo của hộ kinh doanh	QT.KT.32	
33	Quy trình Chấm dứt hoạt động hộ kinh doanh	QT.KT.33	
34	Quy trình Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, cấp đổi sang Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.34	
35	Quy trình Dừng thực hiện thủ tục đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.35	
36	Quy trình Đăng ký cập nhật, bổ sung thông tin trong hồ sơ đăng ký hộ kinh doanh, hiệu đính thông tin đăng ký hộ kinh doanh	QT.KT.36	
40	Cấp Giấy chứng nhận sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu cấp xã	QT.KT.40	
41	Thông báo phát triển nguồn điện mặt trời mái nhà tự sản xuất, tự tiêu thụ đấu nối với hệ thống điện quốc gia tại cấp điện áp hạ áp	QT.KT.41	
IV	**LĨNH VỰC PHÒNG VĂN HÓA – XÃ HỘI (110 QT)**		
	LĨNH VỰC BẢO TRỢ XÃ HỘI		
1	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.VHXH.01	
2	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng đối với đối tượng hưởng trợ cấp hưu trí xã hội	QT.VHXH.02	
3	Quy trình Đổi, cấp lại Giấy xác nhận khuyết tật	QT.VHXH.03	
4	Quy trình Xác định, xác định lại mức độ khuyết tật và cấp Giấy xác nhận khuyết tật	QT.VHXH.04	
5	Quy trình Hỗ trợ chi phí mai táng cho đối tượng bảo trợ xã hội	QT.VHXH.05	
6	Quy trình Thực hiện, điều chỉnh, thôi hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng, hỗ trợ kinh phí chăm sóc, nuôi dưỡng hàng tháng	QT.VHXH.06	
7	Quy trình Tiếp nhận đối tượng bảo trợ xã hội có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.VHXH.07	
8	Quy trình Tiếp nhận đối tượng cần bảo vệ khẩn cấp vào cơ sở trợ giúp xã hội	QT.VHXH.08	
9	Quy trình Dừng trợ giúp xã hội tại cơ sở trợ giúp xã hội	QT.VHXH.09	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	LĨNH VỰC DÂN SỐ, BÀ MẸ - TRẺ EM		
10	Quy trình Xét hưởng chính sách hỗ trợ cho đối tượng sinh con đúng chính sách dân số.	QT.VHXH.10	
	LĨNH VỰC PHÒNG, CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI		
11	Quy trình Hỗ trợ học văn hóa, học nghề, trợ cấp khó khăn ban đầu cho nạn nhân	QT.VHXH.11	
	LĨNH VỰC THI ĐUA, KHEN THƯỞNG		
12	Quy trình Đề nghị xét tặng Danh hiệu "Thầy thuốc Nhân dân", "Thầy thuốc Ưu tú"	QT.VHXH.12	
13	Quy trình xét tặng "Nhà giáo ưu tú", "Nhà giáo nhân dân"	QT.VHXH.13	
	LĨNH VỰC TRẺ EM		
14	Quy trình Áp dụng các biện pháp can thiệp khẩn cấp hoặc tạm thời cách ly trẻ em khỏi môi trường hoặc người gây tổn hại cho trẻ em	QT.VHXH.14	
15	Quy trình Chấm dứt việc chăm sóc thay thế cho trẻ em	QT.VHXH.15	
16	Quy trình Phê duyệt kế hoạch hỗ trợ, can thiệp đối với trẻ em bị xâm hại hoặc có nguy cơ bị bạo lực, bóc lột, bỏ rơi và trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt	QT.VHXH.16	
17	Quy trình Đăng ký nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân, người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế không phải là người thân thích của trẻ em	QT.VHXH.17	
18	Quy trình Thông báo nhận chăm sóc thay thế cho trẻ em đối với cá nhân người đại diện gia đình nhận chăm sóc thay thế là người thân thích của trẻ em	QT.VHXH.18	
19	Quy trình Chuyển trẻ em đang được chăm sóc thay thế tại cơ sở trợ giúp xã hội đến cá nhân, gia đình nhận chăm sóc thay thế	QT.VHXH.19	
	LĨNH VỰC GIA ĐÌNH		
20	Quy trình Thủ tục hủy bỏ Quyết định cấm tiếp xúc theo đơn đề nghị	QT.VHXH.20	
21	Quy trình Thủ tục cấm tiếp xúc theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã theo đề nghị của cơ quan, tổ chức cá nhân	QT.VHXH.21	
	PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH VÀ THÔNG TIN ĐIỆN TỬ		
22	Quy trình Thủ tục gia hạn giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHXH.22	
23	Quy trình Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHXH.23	
24	Quy trình Thủ tục cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHXH.24	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
25	Quy trình Thủ tục cấp lại giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động điểm cung cấp dịch vụ trò chơi điện tử công cộng	QT.VHXH.25	
	LĨNH VỰC THỂ DỤC THỂ THAO		
26	Quy trình Thủ tục công nhận câu lạc bộ thể thao cơ sở	QT.VHXH.26	
	LĨNH VỰC VĂN HOÁ		
27	Quy trình Thủ tục tiếp nhận hồ sơ đăng ký lễ hội quy mô cấp xã	QT.VHXH.27	
28	Quy trình Thủ tục thông báo tổ chức lễ hội cấp xã	QT.VHXH.28	
29	Thủ tục hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.VHXH.29	
30	Thủ tục thôi hưởng trợ cấp sinh hoạt hàng tháng, bảo hiểm y tế đối với Nghệ nhân nhân dân, Nghệ nhân ưu tú	QT.VHXH.30	
	LĨNH VỰC NGƯỜI CÓ CÔNG		
31	Quy trình Thăm viếng mộ liệt sĩ.	QT.VHXH.31	
32	Quy trình Cấp giấy xác nhận thân nhân của người có công	QT.VHXH.32	
	LĨNH VỰC VIỆC LÀM		
33	Quy trình Đăng ký hợp đồng lao động trực tiếp giao kết	QT.VHXH.33	
34	Quy trình Vay vốn hỗ trợ việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh	QT.VHXH.34	
35	Quy trình Vay vốn hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm từ Quỹ quốc gia về việc làm đối với người lao động	QT.VHXH.35	
	QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ HỘI, QUỸ		
36	Quy trình Công nhận ban vận động thành lập hội	QT.VHXH.36	
37	Quy trình Thành lập hội	QT.VHXH.37	
38	Quy trình Báo cáo tổ chức đại hội thành lập, đại hội nhiệm kỳ, đại hội bất thường của hội	QT.VHXH.38	
39	Quy trình Thông báo kết quả đại hội và phê duyệt đổi tên hội, phê duyệt điều lệ hội	QT.VHXH.39	
40	Quy trình Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hội	QT.VHXH.40	
41	Quy trình Hội tự giải thể	QT.VHXH.41	
42	Quy trình Cho phép hội hoạt động trở lại sau khi bị đình chỉ có thời hạn	QT.VHXH.42	
43	Quy trình Cấp lại giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.VHXH.43	
44	Quy trình Công nhận quỹ đủ điều kiện hoạt động và công nhận thành viên hội đồng quản lý quỹ; công nhận thay đổi, bổ sung	QT.VHXH.44	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	thành viên hội đồng quản lý quỹ		
45	Quy trình Công nhận điều lệ (sửa đổi, bổ sung) quỹ; đổi tên quỹ	QT.VHXH.45	
46	Quy trình Cấp giấy phép thành lập và công nhận điều lệ quỹ	QT.VHXH.46	
47	Quy trình Cho phép quỹ hoạt động trở lại sau khi bị tạm đình chỉ hoạt động	QT.VHXH.47	
48	Quy trình Hợp nhất, sáp nhập, chia, tách quỹ, mở rộng phạm vi hoạt động quỹ	QT.VHXH.48	
49	Quy trình Quỹ tự giải thể	QT.VHXH.49	
	LĨNH VỰC TÍN NGƯỠNG, TÔN GIÁO		
50	Quy trình thủ tục đề nghị tổ chức cuộc lễ ngoài cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức ở một xã	QT.VHXH.50	
51	Quy trình thủ tục đề nghị giảng đạo ngoài địa bàn phụ trách, cơ sở tôn giáo, địa điểm hợp pháp đã đăng ký có quy mô tổ chức trong một xã	QT.VHXH.51	
52	Quy trình thủ tục đề nghị tổ chức đại hội của tổ chức tôn giáo, tổ chức tôn giáo trực thuộc, tổ chức được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tôn giáo có địa bàn hoạt động ở một xã	QT.VHXH.52	
53	Quy trình thủ tục đăng ký bổ sung hoạt động tín ngưỡng	QT.VHXH.53	
54	Quy trình thủ tục đăng ký sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.VHXH.54	
55	Quy trình thủ tục đăng ký thay đổi người đại diện của nhóm sinh hoạt tôn giáo tập trung (cấp xã)	QT.VHXH.55	
56	Quy trình thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung trong địa bàn một xã (cấp xã)	QT.VHXH.56	
57	Quy trình thủ tục đề nghị thay đổi địa điểm sinh hoạt tôn giáo tập trung đến địa bàn xã khác (cấp xã)	QT.VHXH.57	
58	Quy trình thủ tục đăng ký hoạt động tín ngưỡng (cấp xã)	QT.VHXH.58	
	LĨNH VỰC CÔNG TÁC DÂN TỘC		
59	Quy trình Đưa ra khỏi danh sách và thay thế, bổ sung người có uy tín trong đồng bào dân tộc thiểu số	QT.VHXH.59	
60	Quy trình Công nhận người có uy tín	QT.VHXH.60	
	CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC KHÁC		
61	Quy trình Cho phép cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học	QT.VHXH.61	
62	Quy trình Sáp nhập, chia, tách cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.VHXH.62	
63	Quy trình Cho phép cơ sở giáo dục mầm non độc lập hoạt động trở lại	QT.VHXH.63	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
64	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục mầm non độc lập	QT.VHXH.64	
65	Quy trình Giải thể cơ sở giáo dục mầm non độc lập (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.VHXH.65	
66	Quy trình Thành lập lớp dành cho người khuyết tật trong trường mầm non, tiểu học, trường trung học cơ sở và trung tâm giáo dục thường xuyên, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên thực hiện các chương trình xóa mù chữ và chương trình giáo dục thường xuyên cấp trung học cơ sở	QT.VHXH.66	
	GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THUỘC HỆ THỐNG GIÁO DỤC QUỐC DÂN		
67	Quy trình Xét duyệt học sinh bán trú, học viên bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.VHXH.67	
68	Quy trình Xét duyệt trẻ em nhà trẻ bán trú hỗ trợ kinh phí, hỗ trợ gạo	QT.VHXH.68	
69	Quy trình Phê duyệt việc dạy và học bằng tiếng nước ngoài	QT.VHXH.69	
70	Quy trình Xét, cấp học bổng chính sách	QT.VHXH.70	
71	Quy trình Cấp học bổng và hỗ trợ kinh phí mua phương tiện, đồ dùng học tập dùng riêng cho người khuyết tật học tại các cơ sở giáo dục	QT.VHXH.71	
72	Quy trình Chuyển đổi trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục và trường phổ thông tư thục có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang trường phổ thông tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.VHXH.72	
73	Quy trình Chuyển đổi nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục do nhà đầu tư trong nước đầu tư sang nhà trẻ, trường mẫu giáo, trường mầm non tư thục hoạt động không vì lợi nhuận	QT.VHXH.73	
74	Quy trình Hỗ trợ ăn trưa đối với trẻ em mẫu giáo	QT.VHXH.74	
75	Quy trình Trợ cấp đối với trẻ em mầm non là công nhân, người lao động làm việc tại khu công nghiệp	QT.VHXH.75	
76	Quy trình Hỗ trợ học tập đối với trẻ mẫu giáo, học sinh tiểu học, học sinh trung học cơ sở, sinh viên các dân tộc thiểu số rất ít người	QT.VHXH.76	
77	Quy trình Hỗ trợ đối với giáo viên mầm non làm việc tại cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục ở địa bàn có khu công nghiệp	QT.VHXH.77	
78	Quy trình Đề nghị miễn, giảm học phí trong cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học tư thục và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học thuộc tổ chức kinh tế,	QT.VHXH.78	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	doanh nghiệp Nhà nước		
79	Quy trình Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non công lập, cơ sở giáo dục phổ thông công lập, cơ sở giáo dục công lập thực hiện chương trình giáo dục phổ thông	QT.VHXH.79	
80	Quy trình Đề nghị hỗ trợ chi phí học tập trong cơ sở giáo dục mầm non dân lập, tư thục; trường tiểu học tư thục, trường trung học cơ sở tư thục, cơ sở giáo dục thường xuyên tư thục, cơ sở giáo dục mầm non, trường tiểu học, trung học cơ sở trong các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu	QT.VHXH.80	
81	Quy trình Công nhận trường trung học đạt chuẩn Quốc gia	QT.VHXH.81	
82	Quy trình Công nhận trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia	QT.VHXH.82	
83	Quy trình Công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia	QT.VHXH.83	
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC MẦM NON		
84	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.VHXH.84	
85	Quy trình Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục	QT.VHXH.85	
86	Quy trình Cho phép trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ hoạt động giáo dục trở lại	QT.VHXH.86	
87	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.VHXH.87	
88	Quy trình Giải thể trường mẫu giáo, trường mầm non, nhà trẻ	QT.VHXH.88	
	LĨNH VỰC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP		
89	Quy trình Cấp chính sách nội trú cho học sinh, sinh viên tham gia chương trình đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thục hoặc cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài	QT.VHXH.89	
	GIÁO DỤC THƯỜNG XUYÊN		
90	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trung tâm học tập cộng đồng	QT.VHXH.90	
91	Quy trình Cho phép trung tâm học tập cộng đồng hoạt động trở lại	QT.VHXH.91	
92	Quy trình Giải thể trung tâm học tập cộng đồng (theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trung tâm)	QT.VHXH.92	
93	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trung tâm học tập cộng đồng	QT.VHXH.93	
	GIÁO DỤC TIỂU HỌC		
94	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trường tiểu học	QT.VHXH.94	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
95	Quy trình Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục	QT.VHXH.95	
96	Quy trình Cho phép trường tiểu học hoạt động giáo dục trở lại	QT.VHXH.96	
97	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường tiểu học	QT.VHXH.97	
98	Quy trình Giải thể trường tiểu học (Theo đề nghị của tổ chức, cá nhân thành lập trường)	QT.VHXH.98	
	GIÁO DỤC TRUNG HỌC		
99	Quy trình Tuyển sinh Trung học cơ sở	QT.VHXH.99	
100	Quy trình Chuyển trường đối với học sinh Trung học cơ sở	QT.VHXH.100	
101	Quy trình Thành lập hoặc cho phép thành lập trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.VHXH.101	
102	Quy trình Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục trở lại	QT.VHXH.102	
103	Quy trình Cho phép trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở hoạt động giáo dục	QT.VHXH.103	
104	Quy trình Sáp nhập, chia, tách trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở	QT.VHXH.104	
105	Quy trình Giải thể trường trung học cơ sở, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở (Theo đề nghị của cá nhân, tổ chức thành lập trường)	QT.VHXH.105	
106	Quy trình Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở Việt Nam về nước	QT.VHXH.106	
107	Quy trình Tiếp nhận học sinh trung học cơ sở người nước ngoài	QT.VHXH.107	
	LĨNH VỰC THI, TUYỂN SINH		
108	Xét tuyển sinh vào trường phổ thông dân tộc nội trú	QT.VHXH.108	
	VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ		
109	Quy trình Chỉnh sửa nội dung văn bằng, chứng chỉ (tại cấp xã)	QT.VHXH.109	
110	Quy trình Cấp bản sao văn bằng, chứng chỉ từ sổ gốc (tại cấp xã)	QT.VHXH.110	
V	**LĨNH VỰC VĂN PHÒNG HĐND VÀ UBND (68 QT)**		
	HOÀ GIẢI CƠ SỞ		
1	Quy trình Thủ tục thanh toán thù lao cho hoà giải viên	QT.VP.01	
2	Quy trình Thủ tục công nhận tuyên truyền viên pháp luật	QT.VP.02	
3	Quy trình Thủ tục cho thôi làm tuyên truyền viên pháp	QT.VP.03	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
4	Quy trình Thủ tục công nhận hòa giải viên (cấp xã)	QT.VP.04	
5	Quy trình Thủ tục công nhận tổ trưởng tổ hòa giải (cấp xã)	QT.VP.05	
6	Quy trình Thủ tục thôi làm hỏa giải viên (cấp xã)	QT.VP.06	
7	Quy trình Thủ tục thực hiện hỗ trợ khi hòa giải viên gặp tai nạn hoặc rủi ro ảnh hưởng đến sức khỏe, tính mạng trong khi thực hiện hoạt động hòa giải	QT.VP.07	
	BỒI THƯỜNG NHÀ NƯỚC		
8	Quy trình Giải quyết yêu cầu bồi thường tại cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại (cấp xã)	QT.VP.8	
	LĨNH VỰC CHỨNG THỰC		
9	Quy trình Thủ tục chứng thực văn bản thỏa thuận phân chia di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.VP.9	
10	Quy trình Thủ tục chứng thực hợp đồng, giao dịch liên quan đến tài sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.VP.10	
11	Quy trình Thủ tục chứng thực di chúc	QT.VP.11	
12	Quy trình Thủ tục chứng thực văn bản từ chối nhận di sản	QT.VP.12	
13	Quy trình Thủ tục chứng thực văn bản khai nhận di sản mà di sản là động sản, quyền sử dụng đất, nhà ở	QT.VP.13	
14	Quy trình Thủ tục chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch không phải là cộng tác viên dịch thuật	QT.VP.14	
15	Quy trình Chứng thực chữ ký người dịch mà người dịch là cộng tác viên dịch thuật của Ủy ban nhân dân cấp xã	QT.VP.15	
16	Quy trình Thủ tục cấp bản sao có chứng thực từ bản chính hợp đồng, giao dịch đã được chứng thực	QT.VP.16	
17	Quy trình Thủ tục sửa lỗi sai sót trong hợp đồng, giao dịch	QT.VP.17	
18	Quy trình Chứng thực việc sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ hợp đồng, giao dịch	QT.VP.18	
19	Quy trình Thủ tục cấp bản sao từ sổ gốc	QT.VP.19	
20	Quy trình Thủ tục chứng thực chữ ký trong các giấy tờ, văn bản (áp dụng cho cả trường hợp chứng thực điểm chỉ và trường hợp người yêu cầu chứng thực không thể ký, không thể điểm chỉ được)	QT.VP.20	
21	Quy trình Chứng thực bản sao từ bản chính giấy tờ, văn bản do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài; cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam liên kết với cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp hoặc chứng nhận	QT.VP.21	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
	LĨNH VỰC HỘ TỊCH		
22	Quy trình Đăng ký giám sát việc giám hộ	QT.VP.22	
23	Quy trình Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ	QT.VP.23	
24	Quy trình Thủ tục xác nhận thông tin hộ tịch	QT.VP.24	
25	Quy trình Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.VP.25	
26	Quy trình Đăng ký lại khai tử	QT.VP.26	
27	Quy trình Thủ tục đăng ký lại khai sinh	QT.VP.27	
28	Quy trình Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	QT.VP.28	
29	Quy trình Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	QT.VP.29	
30	Quy trình Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	QT.VP.30	
31	Quy trình Thủ tục đăng ký giám hộ	QT.VP.31	
32	Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài tại khu vực biên giới	QT.VP.32	
33	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.VP.33	
34	Quy trình Thủ tục đăng ký lại kết hôn	QT.VP.34	
35	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động	QT.VP.35	
36	Quy trình Liên thông đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai tang phí, tử tuất	QT.VP.36	
37	Quy trình Liên thông thủ tục hành chính về đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi.	QT.VP.37	
38	Quy trình Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.VP.38	
39	Quy trình Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.VP.39	
40	Quy trình Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.VP.40	
41	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài	QT.VP.41	
42	Quy trình Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.VP.42	
43	Quy trình Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	QT.VP.43	
44	Quy trình Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài	QT.VP.44	
45	Quy trình Cấp bản sao Trích lục hộ tịch	QT.VP.45	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
46	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh	QT.VP.46	
47	Quy trình Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.VP.47	
48	Quy trình Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài (khai sinh; giám hộ; nhận cha, mẹ, con; xác định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử: thay đổi hộ tịch)	QT.VP.48	
49	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.VP.49	
50	Quy trình Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	QT.VP.50	
51	Quy trình Thủ tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài	QT.VP.51	
52	Quy trình Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.VP.52	
53	Quy trình Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài	QT.VP.53	
54	Quy trình Thủ tục đăng ký kết hôn	QT.VP.54	
55	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	QT.VP.55	
56	Quy trình Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con	QT.VP.56	
57	Quy trình Thủ tục đăng ký khai tử	QT.VP.57	
58	Quy trình Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	QT.VP.58	
59	Quy trình Thủ tục đăng ký khai tử lưu động	QT.VP.59	
	LĨNH VỰC NUÔI CON NUÔI		
60	Quy trình Ghi vào Sổ đăng ký nuôi con nuôi việc nuôi con nuôi đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	QT.VP.60	
61	Quy trình Cấp giấy xác nhận công dân Việt Nam thường trú ở khu vực biên giới đủ điều kiện nhận trẻ em của nước láng giềng cư trú ở khu vực biên giới làm con nuôi	QT.VP.61	
62	Quy trình Đăng ký việc nuôi con nuôi trong nước	QT.VP.62	
63	Quy trình Đăng ký lại việc nuôi con nuôi trong nước	QT.VP.63	
64	Quy trình Giải quyết việc người nước ngoài cư trú ở khu vực biên giới nước láng giềng nhận trẻ em Việt Nam làm con nuôi	QT.VP.64	
	GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, PHÒNG CHỐNG THAM NHŨNG, XỬ LÝ ĐƠN THƯ		
65	Quy trình Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp xã	QT.VP.65	
66	Quy trình Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã	QT.VP.66	

TT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Ghi chú
67	Quy trình Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã	QT.VP.67	
68	Quy trình Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã	QT.VP.68	